

ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC Ở VIỆT NAM

PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH*

VN đang trong quá trình công nghiệp hóa (CNH) để vươn lên từ một nước chậm phát triển thành một nước có thu nhập trung bình, và cơ bản trở thành nước công nghiệp vào năm 2020. Mục tiêu này chỉ có thể đạt được nếu VN thực hiện thành công CNH trên phạm vi rộng khắp tất cả các địa phương, kể cả thành thị và nông thôn. Song quá trình này dường như đang diễn ra rất chậm hơn mong muốn, và phân cực ngày càng sâu giữa các vùng và các địa phương bởi nhiều lý do khác nhau mà một trong đó là chất lượng nguồn nhân lực (NNL) khác biệt nhau. Chính thất nút cổ chai - chất lượng NNL này khiến việc dịch chuyển và phân bổ nguồn lực hay yếu tố sản xuất công nghiệp hạn chế. Nâng cao chất lượng NNL sẽ góp phần thúc đẩy CNH và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững ở VN.

1. Công nghiệp hóa và chất lượng NNL

CNH đã đem lại những thành công về phát triển kinh tế cho nhiều quốc gia trên cơ sở thay đổi căn bản cách thức hay phương thức sản xuất của nền kinh tế và vì thế đang là mục tiêu của nhiều nước đang phát triển. Song, để thực hiện CNH có nhiều cách thức khác nhau tùy thuộc vào điều kiện của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, những điều kiện chung để CNH phổ biến đã được nhiều nghiên cứu khác nhau trên thế giới công bố trên cơ sở những mô hình thực hiện thành công quá trình này ở nhiều nước khác nhau với những đặc thù khác nhau về kinh tế và xã hội.

CNH có khởi điểm phát triển vào giữa thế kỷ 18, bắt đầu từ nước Anh. Lúc bấy giờ có những phát minh về máy móc vận hành bằng hơi nước.

Sau này chúng đã được ứng dụng vào sản xuất trong các xí nghiệp ngành dệt, đường sắt, vận tải biển và mở ra kỷ nguyên mới của phát triển công nghiệp. Công nghiệp phát triển đã làm cho nước Anh lúc bấy giờ trở nên giàu nhất thế giới. Công nghiệp phát triển lan rộng sang các nước Bắc Mỹ và Tây Âu vào giữa thế kỷ 19, Nhật là nước ở châu Á bắt đầu CNH vào cuối thế kỷ 19. Quá trình CNH diễn ra ở các nước cho thấy đây là quá trình tích tụ các doanh nghiệp công nghiệp, tích tụ các ngành công nghiệp và công nghiệp tác động vào nền kinh tế làm thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng thu hẹp dần lĩnh vực sản xuất truyền thống về tỷ trọng, gia tăng tỷ phần công nghiệp trong sản lượng và các yếu tố nguồn lực như lao động, đặc biệt là tỷ phần của nhóm ngành công nghiệp chế tạo công cụ sản xuất. Chính trên cơ

sở này, Roy Hadod và Evsey Domar (1940) đã đưa ra mô hình mang tên họ và khẳng định thông qua quá trình tích lũy để gia tăng vốn sản xuất - máy móc thiết bị, nhà xưởng, cơ sở sản xuất, phương tiện vận tải... qua đó phát triển kinh tế. Nhưng tăng vốn sản xuất trong quá trình CNH phải bảo đảm trong quan hệ với lao động, điều này được Marx đề cập trong bộ *Tư bản* (quyển I được xuất bản năm 1867), ông cho rằng tiến bộ kỹ thuật làm tăng lượng máy móc và dụng cụ dành cho người lao động, nghĩa là cấu tạo hữu cơ của tư bản C/V có xu hướng tăng lên. Như vậy, ông hàm ý rằng không chỉ tăng tích lũy vốn sản xuất tương ứng với lao động nhưng lao động phải có chất lượng. Leviw (1954) cho rằng phải chuyển dịch lao động nông thôn từ nông nghiệp sang làm việc trong ngành công nghiệp. Do năng suất lao động trong công nghiệp cao hơn nông nghiệp nên thu nhập lao động ở khu vực công nghiệp tăng lên nhanh hơn. Quá trình chuyển dịch lao động từ khu vực truyền thống sang công nghiệp hiện đại vừa tạo ra tích lũy cho phát triển công nghiệp hay CNH, vừa phân bổ lại lao động, thúc đẩy phân công lao động và nâng cao năng suất lao động. Hollis Chenery (1974) chỉ ra một cách cụ thể trong tiến trình CNH: tỷ trọng của công nghiệp trong GDP tăng dần, và ngược lại tỷ trọng của nông nghiệp trong GDP giảm dần khi GDP/người tăng dần.

CNH đòi hỏi phải tích lũy các nhân tố sản xuất, dựa vào tích tụ và tập trung chúng trên phạm vi không gian nhất định và phân bổ sản xuất lại, hay nói khác hơn chính là quá trình CNH gắn liền với đô thị hóa (Williamson, Jeffrey A, 1987). Sau này, Mankiw (2000) trên cơ sở mô hình của Solow (1956) đã chỉ ra sự gia tăng dân số và lao động nếu đi kèm với nâng cao chất lượng sẽ tăng hiệu quả của lao động – yếu tố tiến bộ kỹ thuật sẽ bảo đảm thực hiện CNH trong phát triển. Theo Sung Sang Park (1992), quá trình CNH trong phát triển kinh tế phải dựa vào không chỉ việc tích lũy vốn sản xuất mà còn phụ thuộc nhiều vào tích lũy vốn con người của lao động ở đó. Vốn con người của lao động là kết quả của quá trình tích lũy về kỹ năng và kiến thức trong cuộc sống sản xuất và đào tạo của xã hội.

Nguồn vốn con người này là cơ sở để nâng cao trình độ kỹ thuật của sản xuất nền tảng thay đổi cách thức sản xuất của nền kinh tế và đó cũng chính là CNH.

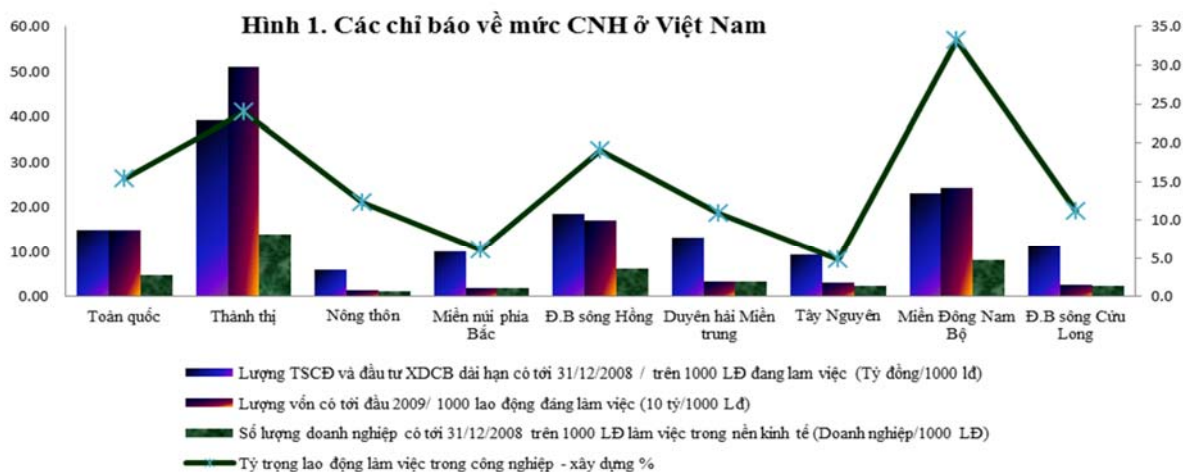
Với mục tiêu nhanh chóng đưa VN trở thành nước công nghiệp về cơ bản từ một nước nông nghiệp, quá trình CNH đã chứng tỏ rằng cần phải tận dụng và nâng cao chất lượng NNL, đặc biệt là khu vực nông thôn. Nhiều nghiên cứu của các nhà kinh tế VN cũng theo hướng này. Để thực hiện CNH, Đinh Phi Hồ (2003) cho rằng nông nghiệp có vai trò lớn trong quá trình CNH và phát triển kinh tế nước ta và muốn thực hiện được điều này thì kiến thức nông nghiệp của người sản xuất chính là chìa khóa. Quá trình CNH đòi hỏi phải tích tụ và tập trung trên quy mô không gian nhất định các yếu tố sản xuất và cơ sở sản xuất, và do đó gắn với quá trình đô thị hóa như Vũ Thị Ngọc Phùng (2006). Đặng Kim Sơn (2008) khẳng định chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp còn phải chuyên môn hóa nghề nông – nghĩa là phải nâng cao chất lượng NNL nông thôn. Điều này cũng đã được nghiên cứu của Bùi Quang Bình (2010) đề cập tới. Những thay đổi cơ cấu dân số ở các nước đang phát triển cho thấy xu hướng dân số trẻ tăng lên và khi dân số trong độ tuổi lao động chiếm 2/3 tổng dân số hay dân số phụ thuộc chỉ chiếm 1/3 dân số thì xuất hiện cơ cấu dân số vàng. Cơ cấu này phản ánh chất lượng NNL tốt khi đa số là những người trẻ khỏe. Theo Nguyễn Đình Cử (2010), cơ cấu này chỉ xuất hiện và kéo dài khoảng 30-40 năm, do vậy, chính sách CNH trong phát triển kinh tế cần điều chỉnh nhằm tận dụng nguồn lực này để thúc đẩy phát triển kinh tế. Nhưng với đặc thù tiến hành CNH từ một nước nông nghiệp với tỷ lệ dân số lao động ở nông thôn cao thì phải sử dụng có hiệu quả NNL nông thôn cùng với phát triển nguồn lực này như nghiên cứu của Bùi Quang Bình (2004) và (2010) đã khẳng định. Có nhiều nghiên cứu về chủ đề CNH và chất lượng NNL khác nhau, ở đây các nghiên cứu đã nêu trên tập trung vào các nghiên cứu liên quan tới một số tiêu chí phản ánh và điều kiện để thực hiện thành công CNH trong phát triển. Các tiêu chí bao gồm: GDP/người, sự gia tăng của tỷ lệ

dân số đô thị, cơ cấu ngành công nghiệp trong GDP, tỷ lệ lao động công nghiệp... Điều kiện CNH gồm: khả năng tích lũy vốn, số lượng và chất lượng NNL, chính sách phát triển công nghiệp, tính đặc thù của VN... Nhưng rõ ràng, yếu tố chất lượng NNL đối với CNH có vai trò lớn và được nhấn mạnh vì chất lượng của nguồn lực này giúp cho nó kết nối và phát huy các nguồn lực khác như vốn sản xuất và công nghệ.

2. Tình hình công nghiệp hóa ở VN

Dựa vào số liệu của Tổng cục Thống kê về các chỉ báo về mức CNH ở VN, Hình 1 cho thấy khu vực thành thị có sức hấp dẫn vì những điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp nên dòng vốn, lao động công nghệ tập trung về đây, trong khi, ở khu vực nông thôn, mức độ CNH rất thấp

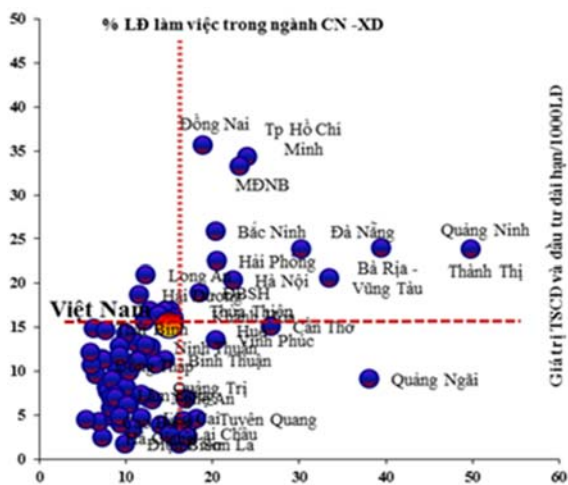
kinh tế trọng điểm của VN. Ba vùng này cũng là nơi tập trung đại bộ phận vốn sản xuất, vốn kinh doanh, lao động, và do đó ba vùng này đã chiếm tới khoảng gần 70% GDP của VN. Điều này phản ánh xu hướng của nền kinh tế đang phân cực để hình thành những cực phát triển như quy luật quá trình CNH. Xu hướng này có tính hai mặt khi có các vùng là cực phát triển với vai trò đầu tàu kéo theo sự phát triển kinh tế vùng và cả nước, mặt khác dường như sự phân hóa và tạo khoảng cách giữa các vùng đang diễn ra trong phát triển kinh tế. Quá trình phân cực này còn rõ hơn trong các Hình 2 và 3. Như vậy, những tiêu chí này nếu chiếu theo tiến trình lịch sử CNH, cho thấy trình độ CNH của nước ta mới vượt qua được giai đoạn chuẩn bị tiền đề và đang bước vào giai đoạn đẩy nhanh CNH.



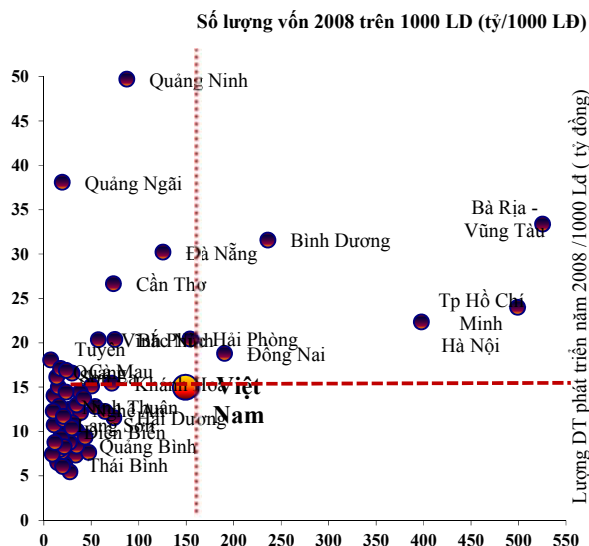
Hình 1. Các chỉ báo về mức CNH ở VN

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2010), *Doanh nghiệp VN 9 năm đầu thế kỷ 21*, NXB Thống kê.

và thấp nhiều lần so với thành thị. Khu vực thành thị tập trung tới hơn 80% doanh nghiệp, 93% lượng vốn kinh doanh, gần 94% tài sản cố định (TSCĐ) và đầu tư xây dựng cơ bản dài hạn của các doanh nghiệp. Tình hình này cũng thể hiện mức độ CNH hay sự phân bố cơ sở công nghiệp khác biệt giữa 6 vùng của VN. Trong 6 vùng này, vùng Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải miền Trung và miền Đông Nam Bộ là các vùng



Hình 2. Tỷ lệ % lao động làm việc trong ngành công nghiệp - xây dựng



Hình 3. Số lượng vốn 2008 trên 1.000 lao động

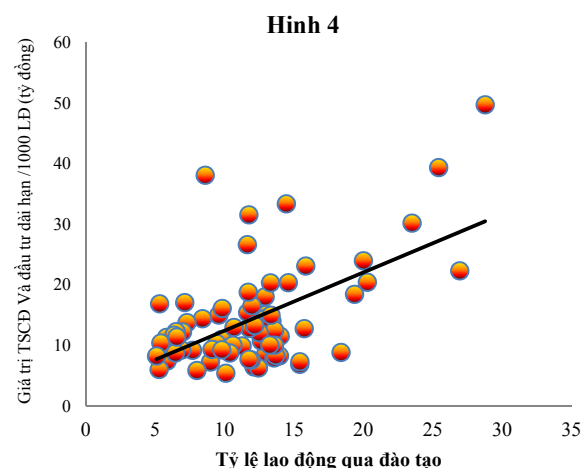
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2010), *Doanh nghiệp VN 9 năm đầu thế kỷ 21*, NXB Thống kê; và Kết quả tổng điều tra dân số 2009.

Hình 2 và Hình 3 mô tả ma trận trình độ CNH với tâm là điểm trung bình VN, trong ma trận này ô phía trên bên phải (nhóm 1) cả hai hình là vùng có trình độ CNH cao nhất, ngược lại ô dưới bên trái (nhóm 2) có trình độ kém nhất. Giá trị trung bình về giá trị TSCĐ và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp /1.000 lao động đang làm việc của nhóm trên bên phải là gần 28 tỷ đồng trong khi nhóm dưới chỉ khoảng 10 tỷ đồng

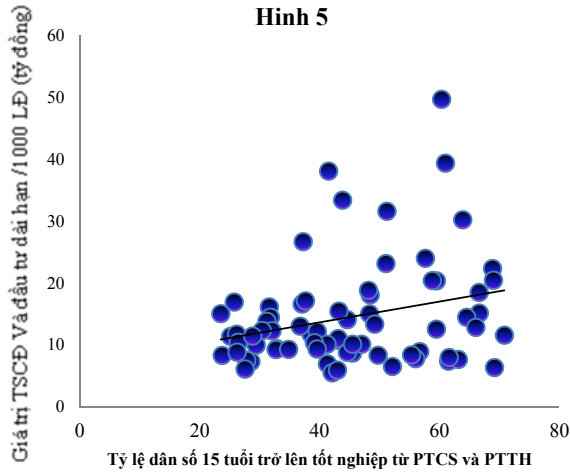
chênh nhau 2,8 lần. Tỷ lệ lao động làm việc trong công nghiệp và xây dựng nhóm của nhóm 1 trung bình là gần 26% và nhóm 2 là 9,4%. Tương tự, lượng vốn có tới đầu năm 2009 của doanh nghiệp /1.000 lao động đang làm việc của nhóm 1 là 168,8 tỷ thì nhóm 2 là 24,9 tỷ. Hệ số biến thiên giá trị trung bình về giá trị TSCĐ và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp /1.000 lao động đang làm việc là 0,55, của lượng vốn có tới đầu năm 2009 của doanh nghiệp /1.000 lao động đang làm việc là 1,77 và của tỷ lệ lao động làm việc trong công nghiệp và xây dựng là 0,72. Rõ ràng xu hướng phân cực rất rõ khi những địa phương có mức CNH cao cũng là những đô thị hay trung tâm kinh tế và bên kia là những tỉnh có nền kinh tế gắn chặt với các yếu tố nông thôn, nông nghiệp nhiều hơn. Nếu xem xét độ biến thiên của các tiêu chí cho thấy giá trị TSCĐ và đầu tư dài hạn /1.000 lao động (tỷ đồng)

3. Chất lượng NNL và CNH ở VN

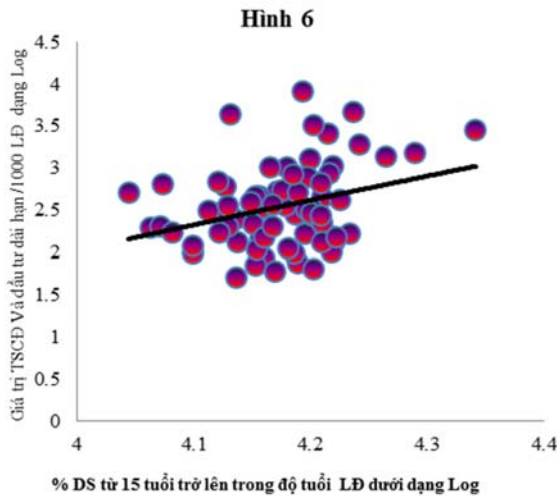
Phần này chúng ta sẽ xem xét chất lượng NNL và đặc biệt là chênh lệch chất lượng NNL ảnh hưởng thế nào tới quá trình CNH được thể hiện bằng sự gia tăng vốn sản xuất/lao động, tăng tỷ trọng lao động công nghiệp.



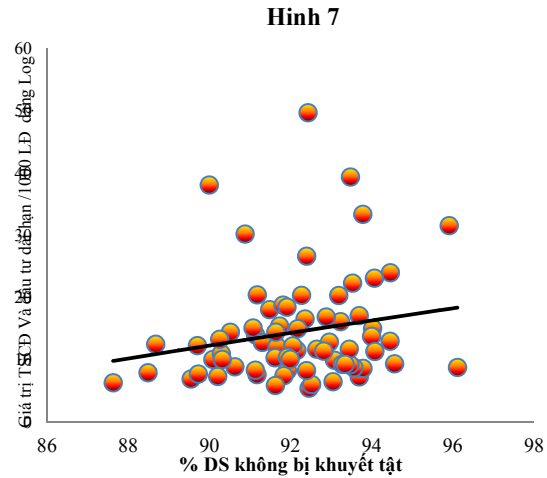
Hình 4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo



Hình 5. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên tốt nghiệp từ phổ thông cơ sở và phổ thông trung học



Hình 6. Tỷ lệ % dân số từ 15 tuổi trở lên trong độ tuổi LĐ dưới dạng Log



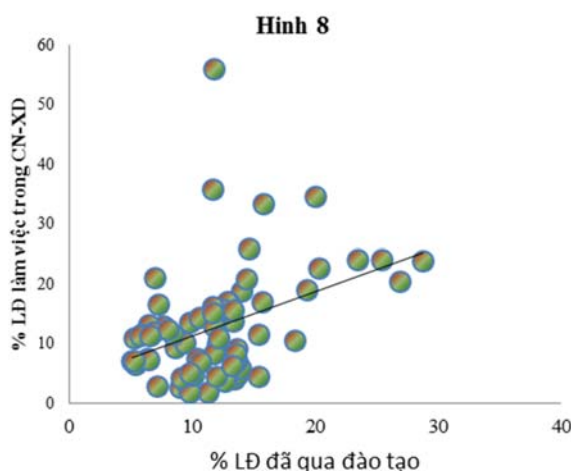
Hình 7. Tỷ lệ % dân số không bị khuyết tật

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2010), *Doanh nghiệp VN 9 năm đầu thế kỷ 21*, NXB Thống kê; và Kết quả tổng điều tra dân số 2009.

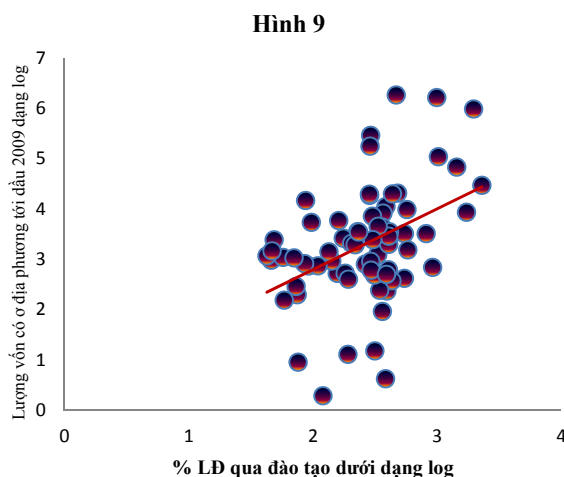
Hình 4 và 5 mô tả mối quan hệ của tỷ lệ lao động qua đào tạo và tỷ lệ dân số 15 tuổi trở lên tốt nghiệp phổ thông cơ sở và trung học với giá trị TSCĐ và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp/1.000 lao động đang làm việc.

Hình 6 và 7 phản ánh mối quan hệ giữa tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động các địa phương và tỷ lệ người không bị khuyết tật - những tiêu chí phản ánh chất lượng dân số với tích tụ và tập trung TSCĐ và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp. Khi các tỷ lệ này tăng, tức là chất lượng NNL tốt hơn sẽ tác động tích cực tới thu hút doanh nghiệp đầu tư vào phát triển thúc đẩy CNH. Điều này cũng thể hiện qua lượng vốn cho sản xuất kinh doanh có tới đầu năm 2009 ở các tỉnh cũng phụ thuộc vào tỷ lệ lao động qua đào tạo ở đó (Hình 9).

Chất lượng lao động không chỉ tạo ra tích tụ và tập trung vốn sản xuất cũng như vốn con người mà còn là cơ sở để chuyển dịch cơ cấu lao động, phân bổ lao động vào lĩnh vực công nghiệp và xây dựng mạnh hơn như Hình 8.



Hình 8. Tỷ lệ % lao động đã qua đào tạo



Hình 9. Tỷ lệ % lao động qua đào tạo dưới dạng log

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2010), *Doanh nghiệp VN 9 năm đầu thế kỷ 21*, NXB Thống kê; và Kết quả tổng điều tra dân số 2009.

Tuy các tiêu chí phản ánh chất lượng NNL được sử dụng ở trên chưa phải là toàn bộ nhưng đó là những tiêu chí quan trọng nhất. Sự ảnh hưởng của các yếu tố này tới quá trình CNH khá rõ ràng và mạnh mẽ. Dường như những vùng có chất lượng NNL tốt hơn sẽ thu hút và tích tụ tập trung nhiều vốn sản xuất cũng như công nghệ hay vốn sản xuất và vốn con người tích tụ, tập trung vào một số địa phương; điều này một mặt thúc đẩy quá trình CNH hóa ở các cực phát triển,

mặt khác sẽ làm mạnh hơn sự phân cực CNH và phát triển kinh tế của các vùng ở VN.

4. Tình hình chất lượng NNL VN

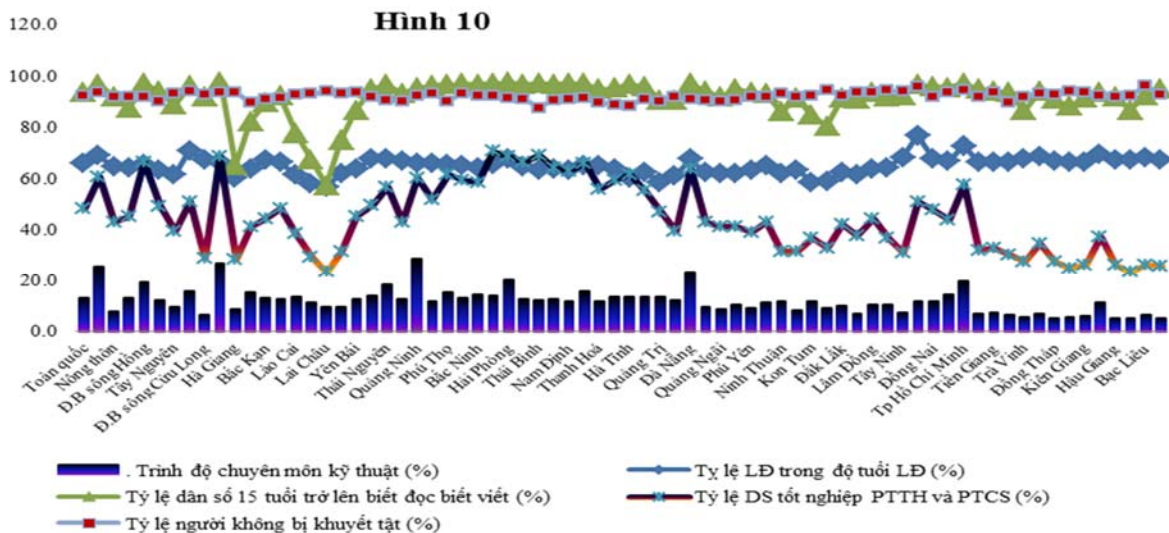
Có nhiều tiêu chí phản ánh chất lượng NNL khác nhau như phản ánh các khía cạnh: thể chất, học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực phẩm chất. Trong nghiên cứu này, tác giả chỉ tập trung một số tiêu chí nhất định như tỷ lệ dân số không bị tàn tật, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, tỷ lệ dân số đã tốt nghiệp phổ thông trung học cơ sở và trung học phổ thông...

Hình 10 mô tả các chỉ tiêu chất lượng của các vùng và địa phương của VN dựa trên tổng điều tra dân số 2009. Tỷ lệ người không bị khuyết tật ở VN trung bình trên 92% có nghĩa là tỷ lệ người bị khuyết tật khoảng gần 8%, hệ số biến thiên là 0,018 tức là không khác biệt nhiều giữa các tỉnh. Tỷ lệ này thấp hơn mức trung bình của các nước đang phát triển (10%) nhưng còn cao hơn nhiều của các nước có trình độ phát triển trung bình của thế giới. Sở dĩ ở VN có tỷ lệ người bị tàn tật thấp hơn các nước đang phát triển khác là do những thành tựu nâng cao mức sống, mà đặc biệt là công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân sau hơn 35 năm từ ngày chấm dứt chiến tranh, trong khi nhiều nước đang phát triển vẫn trong tình trạng nội chiến và kinh tế không phát triển được. Tuổi thọ trung bình của dân số VN là 72,8 tuổi, thành thị là 75,6 còn nông thôn và giữa các tỉnh, các vùng không khác biệt nhiều, hệ số biến thiên chỉ là 0,033. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động của VN trung bình trên 66%, chiếm 2/3 dân số. nghĩa là đa số dân số là trẻ khỏe và tỷ lệ phụ thuộc sẽ thấp và được gọi là cơ cấu dân số vàng, nên nhớ rằng cơ cấu dân số vàng này hầu như chỉ xuất hiện một lần trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia. Tỷ lệ này không khác biệt nhiều khi hệ số biến thiên là 0,052. Tỷ lệ dân số trên 15 tuổi biết đọc biết viết khoảng gần 94%, cũng là tỷ lệ cao so với các nước đang phát triển. Nhưng mức độ khác biệt giữa các vùng, các tỉnh cũng khá rõ nên hệ số biến thiên của tỷ lệ này là 0,083. Tuy có nhiều nỗ lực nhưng tỷ lệ dân số tốt nghiệp phổ thông cơ sở và trung học trung bình

cả nước chỉ trên 48%, thành thị là 61% và nông thôn là 43%. Tỷ lệ này cũng khác biệt lớn giữa các tỉnh, thành khi hệ số biến thiên là 0,304. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của chung cả nước chỉ là gần 14% rất thấp so với các nước trong khu vực. Tỷ lệ này của nông thôn là 8% và thành thị là 25,4%, tức chênh lệch tới hơn 4 lần. Hệ số biến thiên giữa các tỉnh, thành của VN là 0,409.

ng nghiệp lan tỏa đang thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng, mặt khác nó cũng dẫn tới phân cực với những vùng mà kinh tế vẫn dựa vào ngành nông nghiệp.

- Chất lượng NNL của nước ta đã được cải thiện trong những năm qua đáp ứng được các tiêu chí về thể chất. Phần lớn dân số trẻ khỏe là điều kiện để thực hiện CNH, nhất là giải quyết khó



Hình 10. Các chỉ tiêu chất lượng của các vùng, các địa phương dựa trên tổng điều tra dân số 2009

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Kết quả tổng điều tra dân số 2009.

Nhìn chung, chất lượng NNL của VN khá tốt ở những tiêu chí về thể chất, nhưng ở các tiêu chí về học vấn, trình độ chuyên môn không cao, ngoài ra mức độ khác biệt và phân hóa khá rõ ở các tiêu chí này. Những điểm này ảnh hưởng khá lớn đến tiến trình CNH và phát triển kinh tế của VN.

5. Các kết luận và kiến nghị

5.1 Kết luận

Từ những phân tích trên có thể rút ra một số kết luận sau:

- CNH của nước ta đang trong quá trình đẩy mạnh để đạt mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp.
- Quá trình CNH ở VN một mặt đang thúc đẩy sự phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm - những cực tăng trưởng và đầu tàu công

khăn về vốn. Tuy vậy, hiện vẫn còn nhiều tiêu chí chưa cao, nhất là trình độ học vấn, trình độ chuyên môn... đồng thời, có sự chênh lệch lớn giữa các vùng các địa phương.

- Đặc điểm chất lượng NNL đang ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình CNH của nước ta và cần phải chú ý khắc phục nếu không sẽ trở thành một thắt nút chai trong quá trình đẩy mạnh CNH ở nước ta.

5.2 Kiến nghị

Một vài kiến nghị có thể rút ra:

- Cần nhận thức đúng tính chất quá trình phân cực của CNH ở nước ta trong thời gian qua để có phương án tối ưu thúc đẩy sự phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm và phát huy được vai trò lan tỏa và thúc đẩy khu vực.

- Điều chỉnh lại chính sách thật phù hợp nhằm tác động tới việc phân bổ lại nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển của các vùng và tỉnh kém phát triển; đồng thời thực hiện liên kết kinh tế mạnh hơn giữa các vùng để chuyển dịch những doanh nghiệp công nghiệp cần nhiều lao động về khu vực nông thôn, vốn đang dư thừa lao động, nhằm làm giảm tình trạng di dân.

- Cải cách và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo là khâu quyết định trong đó đẩy mạnh quá trình xã hội hóa giáo dục đào tạo đặc biệt lĩnh vực đào tạo nghề. Thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho nông dân.

- Tập trung khai thác và sử dụng NNL trong quá trình CNH dựa vào điều chỉnh mô hình phát triển dựa trên tận dụng NNL. Kết hợp vừa sử dụng vừa nâng cao chất lượng NNL.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Quang Bình (2010), *Mô hình tăng trưởng kinh tế VN nhìn từ góc độ cơ cấu kinh tế*, Kỷ yếu hội thảo “Mô hình tăng trưởng kinh tế VN: Thực trạng và lựa chọn cho giai đoạn 2010-2020” do Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội tổ chức ngày 26/10/2010, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2010.
2. Bùi Quang Bình, “Sử dụng NNL nông thôn VN: Thực trạng và giải pháp”, Tạp chí *Khoa học và công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, số 3(7) 2004
3. Bùi Quang Bình, “Sử dụng hợp lý và hiệu quả lao động nông thôn để phát triển bền vững kinh tế VN thời kỳ 2011-2020”, Tạp chí *Nghiên cứu kinh tế*, số 12(391) 2010.
4. Bùi Quang Bình (2011), “Phát triển kinh tế và thay đổi dân số miền Trung - Tây Nguyên sau 10 năm 1999-2009 và những vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Phát triển kinh tế*, số 244 tháng 2/2011
5. Đinh Phi Hổ (2003), *Kinh tế nông nghiệp*, NXB Thống Kê.
6. Đặng Kim Sơn (2008), “Phát triển nông nghiệp, nông thôn trong quá trình CNH”, *Nông dân nông thôn và nông nghiệp: Những vấn đề đặt ra*, NXB Tri Thức.
7. Mankiw, N, G, (2000), *Macroeconomics*, Second edition, Harvard University, Worth Publishers.
8. Nguyễn Đình Cử (2010), “Tận dụng cơ cấu dân số vàng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở VN”, Kỷ yếu hội thảo *Mô hình tăng trưởng kinh tế VN: Thực trạng và lựa chọn cho giai đoạn 2010-2020* do Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội tổ chức ngày 26/10/2010, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2010.

9. Park S,S (1992), *Tăng trưởng và phát triển (bản dịch)*, Viện Quản lý Kinh tế Trung ương, Trung tâm thông tin tư liệu, Hà Nội.

10. Solow, R.M (1956), “A Contribution to the Theory of economic Growth”, *Quarterly Journal of Economics*, 70.

11. Hollis Chenery (1974), *Redistribution with Growth; Policies to Improve Income Distribution in Developing Countries in the Context of Economic Growth*, Oxford University Press, London, 1974.

12. Hadod, R.F (1939), “An Essay in Dynamic Theory”, *Economic Journal*, 49, 14-33.

13. Domar, E,D (1946), “Capital Expansion, Rate of Growth and Employment”, *Econometrica*, 14: 137-147.

14. Williamson, Jeffrey A, (1987), *Did England's Cities Grow Too Fast during the Industrial Revolution?*, Discussion Paper 1311, Harvard Institute of Economic Research.